TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LÂM** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

*Bản án số:**57/2020/HNGĐ-ST***
*Ngày:*25/9/2020
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà **Trần Phương Lan Anh**
Các Hội thẩm nhân dân*:* 1/ Ông **Nguyễn Lai**
2/ Bà**Nguyễn Thị Hương Bình**

- *Thư ký phiên tòa:*Bà **Trần Thị Huệ** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*Ông **Phạm Thanh Thoại** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Cao Thị T**, sinh năm: **1995**
Địa chỉ: thôn T Th, xã CTB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa;(Có mặt).
- *Bị đơn*: Ông**Nguyễn Văn T**, sinh năm: **1996**
Địa chỉ: thôn LĐ 3, xã CH, huyện CL, Khánh Hòa;(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà Cao Thị T trình bày bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 21/11/2017.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống sống hôn nhân bình thường, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau, nguyên nhân là do anh T không chịu đi làm, không tạo ra thu nhập để nuôi bản thân và gia đình nên mọi chi phí trong nhà đều do một mình bà gánh vác. Không những vậy ông T còn có quan hệ với người khác bên ngoài, thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt và đe doa đánh đập vợ con. Cuộc sống vợ chồng

giữa bà và ông T ngày càng căng thẳng, ngột ngạt nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho mình được ly hôn với ông T để mỗi người có cuộc sống riêng.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm B, sinh ngày 21/7/2014, cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu B đang con nhỏ, rất cần bà nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn (ông Nguyễn Văn T): Đã được Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên quá trình giải quyết vụ án không có lời khai và tiến hành hòa giải được hai bên. Tại phiên tòa hôm nay ông T cũng vắng mặt lần 2 mà không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu trình tự thủ tục và quan điểm giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Đối với việc bị đơn (ông Nguyễn Văn T) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đây là lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà Cao Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn T.Về con chung: đề nghị giao 01con chung là cháu Nguyễn Tâm B, sinh ngày 21/7/2014 cho bà Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn T do bà T không yêu cầu.Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết do bà T không yêu cầu. Về án phí: bà T là người khởi kiện ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn, đại diện viện kiểm sáttại phiên tòa và nghiên cứu các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bàCao Thị T và ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn (ông Nguyễn Văn T) đã được Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay ông T cũng vắng mặt lần thứ 2 mà không có lý do nên căn cứ

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 21/11/2017, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa bà T trình bày thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc.Tuy nhiên, sau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên kình cãi nhau, nguyên nhân là do ông T không chịu đi làm, không tạo ra thu nhập để nuôi bản thân và gia đình nên mọi chi phí trong nhà đều do một mình bà gánh vác. Không những vậy ông T còn có quan hệ với người khác bên ngoài, thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt và đe doa đánh đập vợ con. Cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T ngày càng căng thẳng, ngột ngạt nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho mình được ly hôn với ông T là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại Tòa nguyên đơn vẫn một mực yêu cầu được giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bàCao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm B, sinh ngày 21/7/2014, cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Bà T có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu B đang con nhỏ, rất cần bà nuôi dưỡng, bảo ban, chăm sóc và bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, lời trình bày của bà T là hoàn toàn có cơ sở, cháu B đang trong độ tuổi đi học nên rất cần sự bảo ban, chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần của cháu, cần giao cháu Nguyễn Tâm B cho mẹ là bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn T do bà T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án,bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Cao Thị T là người khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39;khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà **Cao Thị T** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn T**.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm B (sinh ngày: 21/7/2014) cho bà Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn T do bà T không yêu cầu.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của conkhi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

***Quy định chung**:Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng bà T, ông T; nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008208ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, bà T đã nộp đủ án phí án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Hòa (nơi cấp GCN kết hôn số 132 ngày 21/11/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

Trần Phương Lan Anh